

B, ngày 29 tháng 11 năm 2023

Số: 535/2023/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ H**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 531/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**\* Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:**

- Chị Nguyễn Thị Lê D, sinh năm 1983

HKTT: Số 311, nhà số 2/449 N, quận L, Thành phố H.

Cư trú: Căn hộ B 0806 Tòa N01 – T1, Khu Ngoại giao đoàn, phường X, quận B, Thành phố H.

- Anh Phạm Thái H, sinh năm 1981

HKTT: Số 311, nhà số 2/449 N, quận L, Thành phố H.

Cư trú: Căn hộ B 0806 Tòa N01 – T1, Khu Ngoại giao đoàn, phường X, quận B, Thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20/11/2023, các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình, sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lê D và anh Phạm Thái H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận L, Thành phố H ngày 25/12/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Hai bên đã tìm mọi cách để cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân tuy ở chung một nhà. Đến nay anh, chị xác định tình cảm, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Chị D, anh H xác định có 02 con chung là:

1. Phạm Tuấn M, sinh ngày 28/11/2007.

2. Phạm Thu G, sinh ngày 29/8/2012

Khi ly hôn anh, chị thoả thuận: Giao 02 con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H đến khi chị D có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

[3]. Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4]. Về lệ phí: Anh H tự nguyện chịu cả lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Lê D và anh Phạm Thái H thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị D, anh H xác định có 02 con chung là:

1. Phạm Tuấn M, sinh ngày 28/11/2007.

2. Phạm Thu G, sinh ngày 29/8/2012

Khi ly hôn anh, chị thoả thuận: Giao 02 con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H đến khi chị D có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

- **Về tài sản chung, nhà chung, công nợ:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

- **Về lệ phí:** Anh H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí anh H đã nộp theo biên lai số AA/2020/0044301 ngày 20/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận B;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS-VP.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Tuyết**